

Bản án số: 51/2022/HS-ST

Ngày: 12-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Khôi

2. Ông Nguyễn Minh Toàn.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2022; Thông báo thay đổi lịch xét xử số 51/TB-TA ngày 06/5/2022, đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Thị M, sinh năm 1959, tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Nơi cư trú: Ấp 5, xã Đ, huyện T2, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật; con ông Huỳnh C, sinh năm 1933 và bà Phạm Thị L (đã chết); chồng là Phạm Văn Th, sinh năm 1949; có 05 con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1990.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Nguyễn Thị N, sinh năm 1960, tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Ấp 3, xã Đ, huyện T2, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật; con ông Nguyễn Viết M3 (đã chết) và bà Phạm Thị B (đã chết); có chồng là Phạm Văn C1, sinh năm 1958; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 2002.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. Phạm Thị M1, sinh năm 1977, tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Ấp 3, xã Đ, huyện T2, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; con ông Phạm Quang T3 (đã

chết) và bà Trần Thị D, sinh năm 1942; chồng: Phạm Hồng M4, sinh năm 1981; có con 02 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

4. **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1971, tại thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Ấp 3, xã Đ, huyện T2, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Xe ôm; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật; con ông Huỳnh Văn K, đã chết và bà Lê Thị Tr, đã chết; vợ, con: Không.

Tiền án:

+ Ngày 16/6/1999, tại Bản án số 1171/HSST bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Chưa được xóa án tích.

+ Ngày 30/9/2019, tại Bản án số 89/2019/HS-ST bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xử phạt 30.000.000 đồng về tội Đánh bạc. Chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 16/4/2019, bị Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T2, tỉnh Đồng Nai xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

5. **Trần Văn T1**, sinh năm 1965, tại tỉnh Ninh Bình.

Nơi cư trú: Ấp 1, xã Đ, huyện T2, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Trần Văn Ph (đã chết) và bà Điền Thị H, sinh năm 1948; vợ: Bùi Thị L1, sinh năm 1971; có con 03 con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2002.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

6. **Phạm Thị N1**, sinh năm 1975, tại tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Ấp 5, xã Đ, huyện T2, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn D1 (đã chết) và bà Vũ Thị C2 (đã chết); chồng: Phạm Văn Th1, sinh năm 1971; có con 03 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2006.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

7. **Mai Thị V**, sinh năm 1961, tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Ấp 3, xã Đ, huyện T2, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Mai Công N3 (đã chết) và bà Vũ Thị S (đã chết); chồng: Lê Minh Th4, sinh năm 1957; có con 04 con, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1997.

Tiền án, tiền sự: Không.
Bị cáo tại ngoại (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 17 giờ 20 phút ngày 18/12/2021, tại nhà Mai Thị V thuộc ấp 3, xã Đ, huyện T2, tỉnh Đồng Nai, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú phát hiện lập biên bản bắt quả tang các đối tượng Phạm Thị M1, Nguyễn Thị N, Huỳnh Thị M, Huỳnh Văn T, Trần Văn T1, Phạm Thị N1 về hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền với hình thức chơi bài cào 3 lá.

Tang vật thu giữ gồm: 01 bộ bài tây 52 lá, 01 cái chắn màu xanh, số tiền 11.500.000 đồng thu trên chiếu bạc; tạm giữ của các bị cáo số tiền, tài liệu, đồ vật gồm Huỳnh Văn T 100.000 đồng, Nguyễn Thị N 2.800.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Coolpad, 01 xe mô tô biển số 60B9-9305; Phạm Thị M1 1.400.000 đồng; Huỳnh Thị M 350.000 đồng, Trần Văn T1 01 xe mô tô biển số 60B3-466.25, Phạm Thị N1 20.000 đồng.

Quá trình điều tra đã xác định được:

Khoảng 12 giờ ngày 18/12/2021, Phạm Thị M1, Nguyễn Thị N, Huỳnh Thị M, Huỳnh Văn T, Trần Văn T1, Phạm Thị N1 đến nhà Mai Thị V thuộc ấp 3, xã Đ, huyện T2, tỉnh Đồng Nai để chơi. Tại đây, cả nhóm rủ nhau đánh bài ăn tiền bằng hình thức chơi bài cào 3 lá. Mai Thị V là chủ nhà đồng ý và cung cấp bài tây, chắn cho Phạm Thị M1, N, Huỳnh Thị M, T, T1, N1 để thực hiện việc đánh bạc. Luật chơi là mỗi người sẽ được chia 03 lá bài, tính số điểm trên 03 lá bài được chia, ai cao điểm nhất là người đó thắng. Mỗi ván mỗi người sẽ đặt mức cược từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. Đến 17 giờ 20 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tang vật như đã nêu trên.

Qua điều tra người tham gia đánh bạc khai nhận về số tiền dùng vào việc đánh bạc như sau: Phạm Thị M1 mang theo 2.500.000 đồng, quá trình đánh bạc thua 100.000 đồng còn lại 1.400.000 đồng. Phạm Thị N1 mang theo 2.500.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, quá trình đánh bạc còn lại 20.000 đồng. Nguyễn Thị N mang theo 4.450.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, quá trình đánh bạc còn lại 2.800.000 đồng. Trần Văn T1 mang theo 2.700.000 sử dụng để đánh bạc, quá trình đánh bạc thua hết số tiền trên. Huỳnh Thị M mang theo 1.200.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, quá trình đánh bạc thua 850.000 đồng, còn lại 350.000 đồng. Huỳnh Văn T mang theo 2.500.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, quá trình đánh bạc còn lại 100.000 đồng. Quá trình điều tra làm rõ được số tiền 11.500.000 đồng thu trên chiếu bạc là tiền đã được sử dụng vào mục đích đánh bạc. Như vậy, tổng số tiền mà Phạm Thị M1, Nguyễn Thị N, Huỳnh Thị M, Huỳnh Văn T, Trần Văn T1, Phạm Thị N1 sử dụng vào mục đích đánh bạc là 16.170.000 đồng (gồm 4.670.000 đồng trên người các bị cáo và 11.500.000 đồng thu trên chiếu bạc). Bị cáo Mai Thị V đã có hành vi sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu của mình và cung cấp công cụ để đánh bạc gồm

bài tây và chặn làm chiếu bạc để cho các bị cáo Phạm Thị M1, N, Huỳnh Thị M, T, T1, N1 thực hiện việc đánh bạc trái phép với số tiền 16.170.000 đồng.

Cáo trạng số 38/CT-VKSTP-ĐN ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Huỳnh Văn T về tội “Đánh bạc” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Huỳnh Thị M, Nguyễn Thị N, Phạm Thị M1, Trần Văn T1, Phạm Thị N1, Mai Thị V về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các dấu hiệu phạm tội, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; đặc điểm nhân thân của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Về tội danh: Các bị cáo Huỳnh Văn T, Huỳnh Thị M, Nguyễn Thị N, Phạm Thị M1, Trần Văn T1, Phạm Thị N1, Mai Thị V về tội “Đánh bạc”.

Về mức hình phạt:

- *Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 321; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Huỳnh Văn T.*

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Huỳnh Văn T từ 03 (Ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

- *Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Huỳnh Thị M, Nguyễn Thị N, Phạm Thị M1, Trần Văn T1, Phạm Thị N1, Mai Thị V.*

Đề nghị xử phạt:

- Huỳnh Thị M từ 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

- Nguyễn Thị N từ 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

- Phạm Thị M1 từ 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

- Trần Văn T1 từ 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

- Phạm Thị N1 từ 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

- Mai Thị V từ 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng và quyết định về án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung cáo trạng mô tả và không tranh luận, bào chữa cho hành vi của mình. Các bị cáo ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Các bị cáo không cung cấp thêm tài liệu nào khác và thừa nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng mô tả. Lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Vào hồi 17 giờ 20 phút ngày 18/12/2021, tại ấp 3, xã Đ, huyện T2, tỉnh Đồng Nai, Mai Thị V đã có hành vi sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu của mình và cung cấp công cụ, phương tiện để Huỳnh Thị M, Nguyễn Thị N, Phạm Thị M1, Huỳnh Văn T, Trần Văn T1, Phạm Thị N1 thực hiện hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền hình thức chơi bài cào 3 lá với số tiền 16.170.000 đồng thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú phát hiện bắt quả tang.

Bị cáo Huỳnh Văn T có 02 tiền án chưa được xóa án tích (Ngày 16/6/1999, tại Bản án số 1171/HSST bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Chưa được xóa án tích; ngày 30/9/2019, tại Bản án số 89/2019/HS-ST bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xử phạt 30.000.000 đồng về tội Đánh bạc. Chưa được xóa án tích), nhưng lại tiếp tục phạm tội, hành vi của bị cáo Huỳnh Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo Huỳnh Thị M, Nguyễn Thị N, Phạm Thị M1, Trần Văn T1, Phạm Thị N1, Mai Thị V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo thực hiện không chỉ trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, mà còn gây bất bình trong cộng đồng dân cư, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy, để giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội cần thiết phải xét xử và áp dụng cho các bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện, tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét về nhân thân, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của các bị cáo:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Huỳnh Thị M, Nguyễn Thị N, Phạm Thị M1, Trần Văn T1, Phạm Thị N1, Mai Thị V, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Bị cáo Huỳnh Văn T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

[4.3] Về nhân thân: Các bị cáo Huỳnh Thị M, Nguyễn Thị N, Phạm Thị M1, Trần Văn T1, Phạm Thị N1, Mai Thị V là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo Huỳnh Văn T có nhân thân xấu.

[5] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó các bị cáo Huỳnh Thị M, Nguyễn Thị N, Phạm Thị M1, Trần Văn T1, Phạm Thị N1, Huỳnh Văn T tham gia với vai trò là người thực hành; bị cáo Mai Thị V tham gia với vai trò là người giúp sức. Do đó, khi quyết định hình phạt, cần áp dụng Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ.

[6] Về áp dụng hình phạt: Các bị cáo Huỳnh Thị M, Nguyễn Thị N, Phạm Thị M1, Trần Văn T1, Phạm Thị N1, Mai Thị V phạm tội ít nghiêm trọng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 35 Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

Từ nội dung đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử cân nhắc, quyết định mức án phù hợp đối với từng bị cáo, vừa thể hiện sự nghiêm minh và sự khoan hồng của chính sách pháp luật.

[7] Về các biện pháp tư pháp:

Xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 16.170.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bài tây 52 lá, 01 cái chắn màu xanh là công cụ, phương tiện phạm tội và không còn giá trị sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Coolpad, 01 xe mô tô biển số 60B9-9305 của Nguyễn Thị N; 01 xe mô tô biển số 60B3-466.25 Trần Văn T1 không liên quan đến tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú đã trao trả cho chủ sở hữu là đúng quy định nên không xem xét.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm d Khoản 2 Điều 321; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Huỳnh Văn T.

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự Điều 58 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Huỳnh Thị M, Nguyễn Thị N, Phạm Thị M1, Trần Văn T1, Phạm Thị N1, Mai Thị V phạm tội “Đánh bạc”.

1. Xử phạt:

- Huỳnh Thị M 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng);
- Nguyễn Thị N 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng);
- Phạm Thị M1 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng);
- Trần Văn T1 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng);
- Phạm Thị N1 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng);
- Mai Thị V 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng);

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 16.170.000 đồng (Theo biên lai thu tiền số 0000032 ngày 15/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai).

- Tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bài tây 52 lá, 01 cái chặn màu xanh. (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/4/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai
- VKSND huyện Tân Phú;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

Nguyễn Bá Đại

